

Số: **999** /TB-UBND

Bố Trạch, ngày **15** tháng 6 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả xét tuyển viên chức Giáo viên**  
**Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020**

Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch thông báo kết quả xét tuyển viên chức Giáo viên Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2020 theo Kế hoạch số 467/KH-UBND ngày 24/3/2020 của UBND huyện.

Danh sách kết quả xét tuyển (dự kiến trúng tuyển) được niêm yết tại Phòng Nội vụ huyện Bố Trạch và trên trang thông tin điện tử: <http://botrach.quangbinh.gov.vn>

- 76 thí sinh dự kiến trúng tuyển Giáo viên Mầm non.

- 29 thí sinh dự kiến trúng tuyển Giáo viên TH 9 môn (thí sinh Hoàng Thị Thu Hiền, sinh ngày 12/6/1994, số báo danh ĐHTH26, phòng thi số 11, có điểm phỏng vấn 95 điểm được xét dự kiến trúng tuyển vì có thời gian hợp đồng cao hơn).

- 04 thí sinh dự kiến trúng tuyển Giáo viên Đoàn đội Tiểu học.

- 01 thí sinh dự kiến trúng tuyển Giáo viên Mỹ thuật Tiểu học.

- 14 thí sinh dự kiến trúng tuyển Giáo viên Trung học cơ sở.

**\* Lưu ý:**

Đối với những trường hợp có thời gian hợp đồng đúng vị trí việc làm tuyển dụng có đóng BHXH bắt buộc thì nộp Bản ghi quá trình tham gia BHXH có xác nhận của BHXH huyện về Phòng Nội vụ để xem xét xếp hệ số lương theo quy định. /

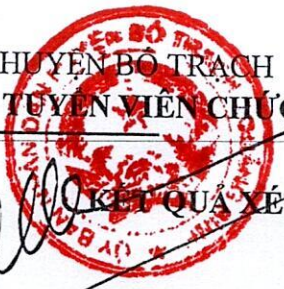
**Nơi nhận:**

- Các thí sinh;
- VP HĐND&UBND;
- Lưu NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hồng



**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MN, TH, THCS NĂM 2020**

Từ phòng số 01 đến phòng số 23

(Kèm theo Thông báo số 999/TB-UBND ngày 15/6/2020 của UBND huyện)

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
<b>I</b>	<b>Phòng số 01</b>						
1	Nguyễn Kim Anh	18/7/1994	ĐHMN 01		90.00	90.00	X
2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/10/1992	ĐHMN 02		Bỏ thi		
3	Đoàn Thị Bé	04/7/1995	ĐHMN 03		91.00	91.00	X
4	Đỗ Thị Bích	25/5/1993	ĐHMN 04		85.00	85.00	X
5	Lê Thị Cúc	25/8/1992	ĐHMN 05		46.00	46.00	
6	Đình Thị Ánh Diệu	15/11/1990	ĐHMN 06		Bỏ thi		
7	Võ Thị Dung	16/11/1994	ĐHMN 07		Bỏ thi		
8	Nguyễn Thị Phương Dung	02/10/1996	ĐHMN 08		87.00	87.00	X
9	Trần Hoàng Hà	22/10/1995	ĐHMN 09		88.50	88.50	X
10	Đình Thu Hà	18/10/1994	ĐHMN 10		48.00	48.00	
11	Cao Thị Hà	15/11/1994	ĐHMN 11		88.50	88.50	X
12	Nguyễn Thị Hà	18/02/1995	ĐHMN 12		Bỏ thi		
13	Trần Thị Hà	19/11/1983	ĐHMN 13		48.00	48.00	
14	Đình Thị Ngọc Hà	23/9/1996	ĐHMN 14		89.50	89.50	X
15	Bùi Thị Hà	10/9/1993	ĐHMN 15		91.00	91.00	X
16	Phan Thị Hằng	22/10/1996	ĐHMN 16		91.00	91.00	X
17	Phan Thị Hằng	19/5/1995	ĐHMN 17		89.00	89.00	X
18	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	17/4/1995	ĐHMN 18		86.50	86.50	X
19	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	10/8/1995	ĐHMN 19		92.00	92.00	X
20	Đình Thị Thu Hiền	10/9/1993	ĐHMN 20		46.00	46.00	
<b>II</b>	<b>Phòng số 02</b>						
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/5/1991	ĐHMN 21		97.00	97.00	X
2	Nguyễn Thị Hiền	01/6/1995	ĐHMN 22	5.00	97.00	102.00	X
3	Đình Thị Hiệu	08/9/1995	ĐHMN 23		Bỏ thi		
4	Cao Thị Hoa	28/11/1988	ĐHMN 24		49.00	49.00	
5	Cao Thị Thu Hoài	12/9/1994	ĐHMN 25		48.00	48.00	
6	Trần Thị Hué	01/7/1989	ĐHMN 26		47.00	47.00	
7	Trần Thị Lan Hương	19/8/1994	ĐHMN 27	5.00	48.00	53.00	
8	Đặng Thị Huy	20/3/1986	ĐHMN 28	2.50	46.00	48.50	
9	Phùng Thị Thanh Huyền	28/8/1994	ĐHMN 29		45.00	45.00	
10	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/3/1988	ĐHMN 30	5.00	96.00	101.00	X
11	Ngô Thanh Huyền	12/10/1995	ĐHMN 31		98.00	98.00	X
12	Nguyễn Thị Huyền	11/10/1995	ĐHMN 32		Bỏ thi		
13	Trần Thị Lệ Huyền	19/8/1995	ĐHMN 33		Bỏ thi		
14	Đình Thị Thu Huyền	22/8/1982	ĐHMN 34		96.00	96.00	X
15	Bùi Thị Thu Huyền	04/8/1994	ĐHMN 35		Bỏ thi		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
			<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
16	Hoàng Thị	Kiều	10/7/1997	ĐHMN 36		47.00	47.00	
17	Dương Thị Hồng	Liên	10/8/1996	ĐHMN 37		97.00	97.00	X
18	Đinh Thị Thùy	Linh	30/4/1996	ĐHMN 38		46.00	46.00	
19	Vũ Khánh	Linh	07/10/1996	ĐHMN 39		47.00	47.00	
20	Nguyễn Thị	Linh	14/8/1995	ĐHMN 40		Bỏ thi		
<b>III</b>	<b>Phòng số 03</b>							
1	Nguyễn Thị Diệu	Linh	09/7/1993	ĐHMN 41		92.00	92.00	X
2	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/4/1997	ĐHMN 42		Bỏ thi		
3	Hoàng Thị	Loan	15/6/1992	ĐHMN 43		Bỏ thi		
4	Hồ Thị Phương	Mai	20/11/1989	ĐHMN 44	5.00	93.00	98.00	X
5	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	16/3/1996	ĐHMN 45		86.00	86.00	X
6	Đinh Thị Khơ	Mây	07/9/1996	ĐHMN 46		48.00	48.00	
7	Cao Thị Hồng	Mơ	08/7/1996	ĐHMN 47	5.00	Bỏ thi		
8	Trương Thị Hằng	Nga	10/11/1994	ĐHMN 48		95.00	95.00	X
9	Trần Thị	Nga	30/10/1997	ĐHMN 49		Bỏ thi		
10	Biện Thị	Nga	14/5/1992	ĐHMN 50		94.50	94.50	X
11	Nguyễn Thị	Nga	28/8/1992	ĐHMN 51		47.00	47.00	
12	Phan Thị Hằng	Nga	24/7/1993	ĐHMN 52		45.00	45.00	
13	Lê Thị Thanh	Nhân	26/10/1994	ĐHMN 53		Bỏ thi		
14	Nguyễn Hoài	Nhi	20/8/1997	ĐHMN 54		88.00	88.00	X
15	Trần Thị	Nhi	10/01/1991	ĐHMN 55		46.00	46.00	
16	Ngô Thị Hồng	Nhi	25/10/1993	ĐHMN 56		37.50	37.50	
17	Đinh Thị Hồng	Nhiên	10/8/1993	ĐHMN 57		47.00	47.00	
18	Trần Thị	Nhung	15/02/1997	ĐHMN 58		Bỏ thi		
19	Võ Thị Thùy	Nhung	22/8/1995	ĐHMN 59		96.00	96.00	X
20	Nguyễn Thị	Nhung	10/01/1993	ĐHMN 60		93.00	93.00	X
<b>IV</b>	<b>Phòng số 04</b>							
1	Trần Thị Mỹ	Nương	06/6/1995	ĐHMN 61		91.00	91.00	X
2	Nguyễn Thị	Oanh	30/01/1986	ĐHMN 62		93.50	93.50	X
3	Đinh Thị Kim	Oanh	08/10/1996	ĐHMN 63		93.50	93.50	X
4	Lê Thị Kiều	Oanh	24/6/1995	ĐHMN 64	5.00	92.00	97.00	X
5	Nguyễn Thị	Phúc	04/02/1993	ĐHMN 65		49.00	49.00	
6	Trần Thị Như	Phương	26/4/1995	ĐHMN 66		93.00	93.00	X
7	Trần Thị Hà	Phương	30/8/1994	ĐHMN 67		92.00	92.00	X
8	Nguyễn Thị Mai	Phương	08/02/1995	ĐHMN 68		Bỏ thi		
9	Lê Thị Nhã	Phương	10/12/1993	ĐHMN 69		91.00	91.00	X
10	Nguyễn Thị Thu	Phương	05/5/1994	ĐHMN 70		93.00	93.00	X
11	Đinh Thị Hoa	Phượng	26/02/1991	ĐHMN 71		Bỏ thi		
12	Bùi Thị	Phượng	29/12/1994	ĐHMN 72		Bỏ thi		
13	Đinh Thị	Quyên	11/01/1994	ĐHMN 73		94.00	94.00	X
14	Cao Thị Tú	Quyên	20/5/1995	ĐHMN 74		42.00	42.00	
15	Hoàng Thị	Thái	28/6/1988	ĐHMN 75		92.00	92.00	X
16	Lê Hồng	Thắm	12/10/1995	ĐHMN 76		94.00	94.00	X
17	Nguyễn Thị	Thanh	23/3/1995	ĐHMN 77		91.00	91.00	X



Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>			<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
18	Trần Thị	Thanh	16/02/1995	ĐHMN 78		Bỏ thi		
19	Cao Thị Hoài	Thanh	02/5/1991	ĐHMN 79		43.50	43.50	
<b>V</b>	<b>Phòng số 05</b>							
1	Đặng Thị Hồng	Thảo	27/11/1995	ĐHMN 80		91.00	91.00	X
2	Đặng Thị	Thảo	02/8/1995	ĐHMN 81		94.00	94.00	X
3	Cao Thị Phương	Thảo	02/9/1997	ĐHMN 82		90.00	90.00	X
4	Bùi Thị Phương	Thảo	13/01/1997	ĐHMN 83		95.00	95.00	X
5	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/01/1994	ĐHMN 84		90.00	90.00	X
6	Đinh Thị	Thêu	12/12/1989	ĐHMN 85		91.00	91.00	X
7	Cao Thị Kim	Thoa	20/11/1991	ĐHMN 86		92.00	92.00	X
8	Đinh Thị	Thơm	23/3/1997	ĐHMN 87		Bỏ thi		
9	Hoàng Thị	Thu	25/02/1994	ĐHMN 88		94.00	94.00	X
10	Nguyễn Thị	Thu	26/7/1994	ĐHMN 89		92.00	92.00	X
11	Đinh Thị Lệ	Thu	12/3/1995	ĐHMN 90		45.00	45.00	
12	Đinh Thị Hoài	Thu	06/8/1996	ĐHMN 91		48.00	48.00	
13	Cao Thị Hoài	Thu	25/01/1996	ĐHMN 92		40.00	40.00	
14	Đinh Thị Hoài	Thu	29/11/1986	ĐHMN 93	5.00	40.00	45.00	
15	Phạm Thị	Thu	07/7/1996	ĐHMN 94		Bỏ thi		
16	Trần Thị	Thường	06/5/1993	ĐHMN 95		90.00	90.00	X
17	Nguyễn Thị Lệ	Thúy	10/02/1986	ĐHMN 96		93.00	93.00	X
18	Phan Thị	Thùy	21/12/1989	ĐHMN 97	5.00	48.00	53.00	
19	Nguyễn Thị Thu	Thùy	15/9/1995	ĐHMN 98		92.00	92.00	X
<b>VI</b>	<b>Phòng số 06</b>							
1	Hoàng Thị	Thủy	08/01/1996	ĐHMN 99		98.00	98.00	X
2	Trần Thị Bích	Thủy	06/01/1994	ĐHMN 100		97.00	97.00	X
3	Ngô Thị Huyền	Trang	20/4/1996	ĐHMN 101	5.00	98.00	103.00	X
4	Cao Thị Huyền	Trang	21/01/1996	ĐHMN 102		Bỏ thi		
5	Đinh Thị Hồng	Trang	24/11/1995	ĐHMN 103		35.00	35.00	
6	Võ Nữ Huyền	Trang	22/7/1997	ĐHMN 104		Bỏ thi		
7	Lê Mai	Trang	08/4/1995	ĐHMN 105		98.00	98.00	X
8	Đinh Thị Huyền	Trang	27/8/1994	ĐHMN 106		40.00	40.00	
9	Dư Thị Nha	Trang	22/8/1988	ĐHMN 107	5.00	98.00	103.00	X
10	Lê Thị Huyền	Trinh	19/10/1989	ĐHMN 108		Bỏ thi		
11	Phan Thị Minh	Tú	09/10/1995	ĐHMN 109		45.00	45.00	
12	Cao Thị Minh	Tuyền	13/02/1988	ĐHMN 110		98.00	98.00	X
13	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/01/1997	ĐHMN 111		35.00	35.00	
14	Đinh Thị	Vân	11/7/1986	ĐHMN 112		35.00	35.00	
15	Nguyễn Thị Thùy	Vân	24/11/1995	ĐHMN 113		97.00	97.00	X
16	Phan Thị Hồng	Vân	30/4/1997	ĐHMN 114		Bỏ thi		
17	Lê Thị	Vân	10/10/1994	ĐHMN 115		Bỏ thi		
18	Cao Thị	Xuân	12/5/1995	ĐHMN 116		98.00	98.00	X
19	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/7/1996	ĐHMN 117		96.00	96.00	X
<b>VII</b>	<b>Phòng số 07</b>							
1	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	01/6/1997	CĐMN 118		91.00	91.00	X

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>			<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
2	Cao Thị Quỳnh	Châu	04/5/1997	CĐMN 119		41.50	41.50	
3	Cao Thị	Dung	18/01/1995	CĐMN 120		Bỏ thi		
4	Phạm Thị	Duyên	15/02/1993	CĐMN 121		40.00	40.00	
5	Lưu Thị Lệ	Giang	04/5/1996	CĐMN 122		49.50	49.50	
6	Nguyễn Thị	Giang	05/7/1994	CĐMN 123		90.00	90.00	X
7	Đinh Thị Hương	Giang	02/5/1998	CĐMN 124		88.75	88.75	X
8	Đinh Thị	Hà	22/6/1997	CĐMN 125		41.25	41.25	
9	Đinh Thị Thúy	Hàng	12/7/1990	CĐMN 126		34.50	34.50	
10	Nguyễn Thị	Hàng	18/8/1987	CĐMN 127		93.00	93.00	X
11	Đỗ Thị Thúy	Hàng	29/7/1998	CĐMN 128		91.00	91.00	X
12	Nguyễn Thị	Hạnh	05/8/1991	CĐMN 129		33.00	33.00	
13	Cao Thị Mỹ	Hạnh	20/12/1997	CĐMN 130		Bỏ thi		
14	Đinh Thị	Hậu	02/5/1996	CĐMN 131		35.00	35.00	
15	Cao Thị Thu	Hiền	18/5/1998	CĐMN 132		45.50	45.50	
16	Trương Thị Thu	Hiền	03/9/1995	CĐMN 133		38.00	38.00	
17	Hà Thị Thanh	Hoa	19/5/1997	CĐMN 134		93.00	93.00	X
18	Đinh Thị Kim	Hoa	26/11/1995	CĐMN 135		38.00	38.00	
19	Đặng Thị	Huế	15/11/1996	CĐMN 136		50.75	50.75	X
20	Đinh Thị Nhị	Huyền	05/4/1997	CĐMN 137		49.00	49.00	
21	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/02/1997	CĐMN 138		93.00	93.00	X
22	Đinh Thị Phong	Lan	13/6/1997	CĐMN 139		37.50	37.50	
23	Đinh Thị Mỹ	Liên	14/4/1996	CĐMN 140		40.00	40.00	
<b>VIII</b>	<b>Phòng số 08</b>							
1	Nguyễn Thị	Mai	16/6/1993	CĐMN 141		85.00	85.00	X
2	Nguyễn Thị Ánh	My	02/02/1995	CĐMN 142		48.00	48.00	
3	Lê Thị Quỳnh	Nga	24/8/1993	CĐMN 143		75.00	75.00	X
4	Cao Thị	Nga	09/6/1996	CĐMN 144		48.00	48.00	
5	Nguyễn Thị Thanh	Nga	10/8/1993	CĐMN 145		Bỏ thi		
6	Phùng Thị Thanh	Ngọc	01/12/1996	CĐMN 146		48.00	48.00	
7	Trần Thị	Nguyệt	12/01/1983	CĐMN 147	5.00	75.00	80.00	X
8	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	12/4/1998	CĐMN 148		47.00	47.00	
9	Hoàng Thị	Nguyệt	28/8/1996	CĐMN 149		80.00	80.00	X
10	Phan Thị Tuyết	Nhung	14/10/1997	CĐMN 150		75.00	75.00	X
11	Lê Thị Mỹ	Nương	29/9/1991	CĐMN 151		80.00	80.00	X
12	Đinh Thị Kim	Oanh	23/9/1998	CĐMN 152		47.00	47.00	
13	Đinh Thị Kiều	Oanh	25/8/1997	CĐMN 153		47.00	47.00	
14	Hoàng Thị Hà	Phuong	15/10/1998	CĐMN 154		85.00	85.00	X
15	Phan Thị Như	Quỳnh	10/01/1996	CĐMN 155		85.00	85.00	X
16	Trần Thị	Thảo	20/8/1998	CĐMN 156		Bỏ thi		
17	Đinh Thị Hoa	Thom	14/8/1996	CĐMN 157		Bỏ thi		
18	Trương Thị	Thom	12/4/1977	CĐMN 158		80.00	80.00	X
19	Phạm Thị Kiều	Trang	01/10/1998	CĐMN 159		Bỏ thi		
20	Đinh Thị Ánh	Tuyết	12/01/1997	CĐMN 160		48.00	48.00	
21	Đinh Thị Thanh	Vân	17/8/1998	CĐMN 161		49.00	49.00	



Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>		<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
22	Hồ Thị Hồng	Vân	06/4/1998	CĐMN 162		47.00	47.00	
23	Hoàng Thị Hải	Yến	22/10/1996	CĐMN 163		48.00	48.00	
<b>IX</b>	<b>Phòng số 09</b>							
1	Mai Thị Khánh	Duyên	17/10/1994	TCMN 164		30.00	30.00	
2	Trần Thị	Giang	10/6/1986	TCMN 165		35.00	35.00	
3	Trương Thúy	Hằng	05/9/1991	TCMN 166		49.00	49.00	
4	Đinh Thị	Hòa	26/10/1993	TCMN 167		25.00	25.00	
5	Võ Thị	Hoàn	04/6/1995	TCMN 168	5.00	41.00	46.00	
6	Hoàng Thị Thu	Hồng	23/5/1997	TCMN 169		35.00	35.00	
7	Lê Thị	Hương	09/4/1995	TCMN 170		45.00	45.00	
8	Hoàng Thị	Huyền	04/12/1992	TCMN 171		25.00	25.00	
9	Nguyễn Thị	Lan	11/01/1993	TCMN 172	5.00	40.00	45.00	
10	Hoàng Thị	Lan	20/10/1999	TCMN 173		30.00	30.00	
11	Lê Thị Nhật	Lệ	02/02/1996	TCMN 174		45.00	45.00	
12	Đinh Thị Thanh	Luyện	12/01/1993	TCMN 175		40.00	40.00	
13	Võ Thị	Mai	10/9/1993	TCMN 176		38.00	38.00	
14	Nguyễn Thị	Na	23/8/1990	TCMN 177		30.00	30.00	
15	Đinh Thị	Ngọc	02/10/1996	TCMN 178		25.00	25.00	
16	Phan Thị Hà	Nhi	20/02/1999	TCMN 179		Bỏ thi		
17	Lê Thị Quỳnh	Trang	14/11/1995	TCMN 180		45.00	45.00	
18	Hoàng Thị Thúy	Trang	06/8/1990	TCMN 181		30.00	30.00	
19	Nguyễn Thị	Tuyết	11/7/1997	TCMN 182		38.50	38.50	
20	Hồ Thị Hồng	Vân	19/12/1991	TCMN 183		40.00	40.00	
<b>X</b>	<b>Phòng số 10</b>							
1	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/4/1993	ĐHTH 01		96.00	96.00	X
2	Nguyễn Thị Thục	Anh	20/12/1995	ĐHTH 02	5.00	83.00	88.00	
3	Trương Thị	Anh	28/10/1995	ĐHTH 03		Bỏ thi		
4	Cao Thị	Bé	03/01/1993	ĐHTH 04		70.00	70.00	
5	Cao Thị	Đào	23/02/1995	ĐHTH 05	5.00	77.00	82.00	
6	Nguyễn Thị	Diễn	03/8/1996	ĐHTH 06		76.00	76.00	
7	Nguyễn Thị Minh	Diệp	20/5/1989	ĐHTH 07		95.50	95.50	X
8	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/9/1992	ĐHTH 08		95.00	95.00	
9	Hà Thị Mỹ	Duyên	19/02/1997	ĐHTH 09		70.00	70.00	
10	Hoàng Thị Trà	Giang	05/12/1995	ĐHTH 10		Bỏ thi		
11	Trần Thị	Giang	08/4/1990	ĐHTH 11		81.00	81.00	
12	Cao Thị	Giang	06/7/1994	ĐHTH 12	5.00	70.00	75.00	
13	Lê Thị	Hà	24/9/1985	ĐHTH 13		66.50	66.50	
14	Võ Thị	Hà	25/01/1994	ĐHTH 14		76.00	76.00	
15	Cao Thị Thu	Hà	15/02/1995	ĐHTH 15		Bỏ thi		
16	Đặng Thu	Hà	12/12/1997	ĐHTH 16		78.00	78.00	
17	Nguyễn Thị	Hằng	08/11/1995	ĐHTH 17		96.00	96.00	X
18	Trần Thị Thúy	Hằng	05/02/1994	ĐHTH 18		Bỏ thi		
<b>XI</b>	<b>Phòng số 11</b>							
1	Đinh Thị	Hằng	03/6/1992	ĐHTH 19		60.50	60.50	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>			<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
2	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	20/3/1996	ĐHTH 20		Bỏ thi		
3	Hà Thị	Hằng	20/6/1995	ĐHTH 21		98.00	98.00	X
4	Thái Xuân	Hạnh	18/10/1988	ĐHTH 22	5.00	80.00	85.00	
5	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	25/4/1993	ĐHTH 23		80.00	80.00	
6	Phạm Thanh	Hậu	27/12/1984	ĐHTH 24		Bỏ thi		
7	Lê Thị	Hiền	26/9/1991	ĐHTH 25		80.50	80.50	
8	Hoàng Thị Thu	Hiền	12/6/1994	ĐHTH 26		95.00	95.00	X
9	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/6/1994	ĐHTH 27		93.00	93.00	
10	Nguyễn Thị	Hiền	05/10/1995	ĐHTH 28		94.00	94.00	
11	Phan Thị	Hiếu	11/9/1997	ĐHTH 29		96.00	96.00	X
12	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	25/9/1996	ĐHTH 30		96.00	96.00	X
13	Phan Thị Thanh	Hoa	07/02/1996	ĐHTH 31		70.50	70.50	
14	Đình Thị	Hoa	20/02/1984	ĐHTH 32		70.00	70.00	
15	Võ Thị Khánh	Hòa	28/4/1996	ĐHTH 33		70.00	70.00	
16	Nguyễn Ngọc	Hoàn	08/4/1978	ĐHTH 34		96.50	96.50	X
17	Trần Thị	Hội	30/10/1995	ĐHTH 35		70.00	70.00	
18	Nguyễn Thị	Huê	15/02/1990	ĐHTH 36		96.00	96.00	X
<b>XII</b>	<b>Phòng số 12</b>							
1	Lê Thị	Huế	13/10/1997	ĐHTH 37		59.25	59.25	
2	Nguyễn Thị Thu	Huệ	02/9/1991	ĐHTH 38		95.50	95.50	X
3	Lê Thị	Huệ	15/5/1996	ĐHTH 39		97.00	97.00	X
4	Nguyễn Văn	Hùng	10/10/1994	ĐHTH 40		55.00	55.00	
5	Lê Thị	Hương	04/11/1993	ĐHTH 41		85.00	85.00	
6	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1997	ĐHTH 42		97.50	97.50	X
7	Nguyễn Thị Thanh	Hương	20/10/1994	ĐHTH 43	5.00	97.00	102.00	X
8	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1997	ĐHTH 44		87.00	87.00	
9	Nguyễn Thị	Hương	29/4/1996	ĐHTH 45		92.50	92.50	
10	Cao Thị Lệ	Huyền	20/12/1995	ĐHTH 46		85.00	85.00	
11	Đình Thị Lệ	Huyền	28/7/1994	ĐHTH 47		80.00	80.00	
12	Trần Thị Ngọc	Huyền	16/02/1995	ĐHTH 48		85.50	85.50	
13	Nguyễn Thị Thu	Huyền	04/10/1994	ĐHTH 49		95.50	95.50	X
14	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	30/7/1996	ĐHTH 50		70.00	70.00	
15	Cao Thị	Lan	10/8/1994	ĐHTH 51		70.00	70.00	
16	Nguyễn Hồng	Lan	20/01/1993	ĐHTH 52		96.00	96.00	X
17	Phạm Thị	Lan	06/02/1994	ĐHTH 53		97.00	97.00	X
18	Nguyễn Thị Hồng	Lê	03/6/1996	ĐHTH 54		92.50	92.50	
<b>XIII</b>	<b>Phòng số 13</b>							
1	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	01/9/1994	ĐHTH 55		98.00	98.00	X
2	Hoàng Thị	Liêu	15/10/1989	ĐHTH 56		65.00	65.00	
3	Cao Lê Thùy	Linh	03/6/1997	ĐHTH 57		73.00	73.00	
4	Nguyễn Thị Anh	Linh	30/5/1997	ĐHTH 58		95.00	95.00	
5	Đặng Thị Quỳnh	Linh	29/01/1997	ĐHTH 59		Bỏ thi		
6	Từ Thị Mỹ	Linh	05/01/1994	ĐHTH 60		90.00	90.00	
7	Phan Thị Mỹ	Linh	09/7/1996	ĐHTH 61		96.00	96.00	X

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>			<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
8	Trần Chí	Linh	11/01/1997	ĐHTH 62		98.00	98.00	X
9	Trần Thị Diệu	Linh	12/6/1995	ĐHTH 63		98.00	98.00	X
10	Phan Thị Thùy	Linh	06/9/1997	ĐHTH 64		Bỏ thi		
11	Võ Thị Ngọc	Ly	06/01/1995	ĐHTH 65		91.00	91.00	
12	Lê Thị	Mẫn	10/9/1994	ĐHTH 66		96.00	96.00	X
13	Phan Thị Hồng	Minh	16/12/1994	ĐHTH 67		95.00	95.00	
14	Đình Thị Hoài	Mơ	26/01/1995	ĐHTH 68		80.00	80.00	
15	Hồ Thị Trà	My	18/11/1996	ĐHTH 69		93.00	93.00	
16	Phan Thị	Ngân	30/3/1996	ĐHTH 70		85.00	85.00	
17	Nguyễn Hồng	Ngọc	03/3/1990	ĐHTH 71		97.00	97.00	X
18	Trần Thị Thảo	Ngọc	02/8/1995	ĐHTH 72		88.00	88.00	
<b>XIV</b>	<b>Phòng số 14</b>							
1	Lê Thị Thảo	Nhi	04/01/1996	ĐHTH 73		92.00	92.00	
2	Lê Thị Hồng	Nhung	03/01/1986	ĐHTH 74		75.00	75.00	
3	Trương Thị Hồng	Nhung	25/02/1996	ĐHTH 75		80.00	80.00	
4	Đình Thị Hồng	Nhung	20/9/1993	ĐHTH 76		Bỏ thi		
5	Đình Thị Kim	Oanh	20/10/1996	ĐHTH 77	5.00	97.00	102.00	X
6	Trần Mai	Phương	13/3/1996	ĐHTH 78		95.00	95.00	
7	Ngô Thị Thu	Quyên	26/8/1995	ĐHTH 79		85.00	85.00	
8	Lê Văn	Quyên	06/10/1988	ĐHTH 80		60.00	60.00	
9	Lê Nhật	Sao	26/8/1997	ĐHTH 81		98.00	98.00	X
10	Nguyễn Thị Thu	Sương	14/02/1996	ĐHTH 82		85.00	85.00	
11	Nguyễn Thị	Tâm	18/8/1996	ĐHTH 83		80.00	80.00	
12	Nguyễn Thị	Thắm	15/12/1996	ĐHTH 84		98.00	98.00	X
13	Nguyễn Văn	Thắng	03/11/1995	ĐHTH 85		80.00	80.00	
14	Nguyễn Thị	Thanh	10/9/1986	ĐHTH 86		75.00	75.00	
15	Lê Thị	Thanh	26/9/1996	ĐHTH 87		Bỏ thi		
16	Phan Thị Thu	Thảo	23/9/1997	ĐHTH 88		98.00	98.00	X
17	Nguyễn Thị	Thảo	20/6/1996	ĐHTH 89		Bỏ thi		
18	Đình Thị	Thảo	05/9/1996	ĐHTH 90		70.00	70.00	
<b>XV</b>	<b>Phòng số 15</b>							
1	Cao Thị Mỹ	Thê	07/9/1987	ĐHTH 91		Bỏ thi		
2	Dương Thị	Thơ	20/5/1996	ĐHTH 92		94.50	94.50	
3	Đình Thị	Thơ	04/01/1991	ĐHTH 93		62.50	62.50	
4	Trần Thị	Thu	06/3/1993	ĐHTH 94		81.00	81.00	
5	Hoàng Thị	Thu	18/4/1996	ĐHTH 95		72.25	72.25	
6	Trần Thị Hoài	Thương	21/5/1997	ĐHTH 96		Bỏ thi		
7	Mai Thị Diệu	Thúy	15/8/1989	ĐHTH 97		73.00	73.00	
8	Dương Thị	Thúy	10/3/1988	ĐHTH 98		97.50	97.50	X
9	Nguyễn Thị Bích	Thủy	02/5/1996	ĐHTH 99		Bỏ thi		
10	Cao Thị	Thủy	16/4/1994	ĐHTH 100	5.00	78.25	83.25	
11	Nguyễn Trung	Tín	17/10/1995	ĐHTH 101		96.50	96.50	X
12	Đoàn Thị Hồng	Trang	04/6/1997	ĐHTH 102		72.75	72.75	
13	Lê Thị Quỳnh	Trang	29/01/1997	ĐHTH 103		96.00	96.00	X

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>			<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
14	Nguyễn Thị Trang	Trang	19/9/1996	ĐHTH 104		60.50	60.50	
15	Trịnh Thị Tuyết	Trinh	04/11/1994	ĐHTH 105		Bỏ thi		
16	Nguyễn Thị Hải	Yến	29/3/1995	ĐHTH 106		81.00	81.00	
17	Đinh Thị Hải	Yến	04/5/1996	ĐHTH 107		95.00	95.00	
18	Phan Thị Hải	Yến	19/5/1995	ĐHTH 108		95.00	95.00	
<b>XVI</b>	<b>Phòng số 16</b>							
1	Đinh Minh	Bằng	05/06/1995	CĐTH 109		44.00	44.00	
2	Trần Ngọc	Bé	16/01/1998	CĐTH 110		49.00	49.00	
3	Hoàng Thanh	Bình	14/8/1997	CĐTH 111		Bỏ thi		
4	Nguyễn Thị Phương	Chi	14/11/1996	CĐTH 112		40.00	40.00	
5	Trương Thị Trà	Giang	01/10/1996	CĐTH 113		36.00	36.00	
6	Đinh Thị Mỹ	Gia	08/02/1997	CĐTH 114	5.00	27.00	32.00	
7	Phan Thị Ánh	Hà	04/3/1998	CĐTH 115	5.00	32.00	37.00	
8	Phan Thị Ngọc	Hà	05/08/1997	CĐTH 116		21.00	21.00	
9	Trần Thị Hồng	Hải	10/6/1998	CĐTH 117		45.00	45.00	
10	Phan Thị Thúy	Hằng	17/02/1998	CĐTH 118		0.00	0.00	
11	Lê Thị	Hằng	08/8/1996	CĐTH 119		38.00	38.00	
12	Nguyễn Thị	Hậu	16/12/1997	CĐTH 120		43.00	43.00	
13	Nguyễn Thị	Hiền	12/6/1990	CĐTH 121		39.00	39.00	
14	Phạm Thị	Hiền	15/7/1997	CĐTH 122		37.00	37.00	
15	Đinh Thị Thu	Hương	26/10/1997	CĐTH 123		47.00	47.00	
16	Phan Thị Hồng	Hương	04/4/1997	CĐTH 124		34.00	34.00	
17	Nguyễn Thị Lan	Hương	02/9/1995	CĐTH 125		42.00	42.00	
18	Cao Thị Ngọc	Huyền	20/6/1996	CĐTH 126		48.00	48.00	
19	Thái Thị Ngọc	Huyền	02/6/1997	CĐTH 127		34.00	34.00	
20	Nguyễn Thị	Lài	03/02/1998	CĐTH 128		41.00	41.00	
21	Phạm Thị	Lệ	16/6/1997	CĐTH 129		39.00	39.00	
22	Hoàng Thị	Liên	08/01/1996	CĐTH 130	5.00	33.00	38.00	
<b>XVII</b>	<b>Phòng số 17</b>							
1	Lê Thùy	Linh	10/4/1997	CĐTH 131		Bỏ thi		
2	Nguyễn Thị	Ly	10/5/1996	CĐTH 132		48.50	48.50	
3	Lê Thị Thúy	Nga	18/9/1996	CĐTH 133		Bỏ thi		
4	Nguyễn Thị Thanh	Nga	09/12/1997	CĐTH 134		47.00	47.00	
5	Hồ Hồng	Ngọc	25/01/1997	CĐTH 135		Bỏ thi		
6	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	10/3/1998	CĐTH 136		49.50	49.50	
7	Trần Thị Lâm	Oanh	03/7/1997	CĐTH 137		29.00	29.00	
8	Đinh Văn	Phú	28/9/1995	CĐTH 138		Bỏ thi		
9	Lưu Nhật	Phương	17/8/1997	CĐTH 139		49.00	49.00	
10	Trần Ngọc	Tâm	09/4/1996	CĐTH 140		26.00	26.00	
11	Trần Văn	Tân	25/10/1993	CĐTH 141	2.50	47.00	49.50	
12	Hoàng Thị	Thom	29/8/1996	CĐTH 142		29.00	29.00	
13	Mai Hoài	Thương	06/11/1998	CĐTH 143		44.00	44.00	
14	Thái Thị Bích	Thủy	04/10/1997	CĐTH 144		47.00	47.00	
15	Nguyễn Thúy	Tĩnh	22/11/1998	CĐTH 145		47.00	47.00	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>		<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
16	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/8/1997	CĐTH 146		38.50	38.50	
17	Bùi Thị Ngọc	Trinh	18/8/1997	CĐTH 147		49.00	49.00	
18	Nguyễn Ánh	Tuyết	24/9/1994	CĐTH 148		Bỏ thi		
19	Bùi Thị Ánh	Tuyết	23/3/1998	CĐTH 149		46.50	46.50	
20	Trần Thị Tường	Vi	20/8/1995	CĐTH 150		46.50	46.50	
21	Nguyễn Anh	Tuấn	02/12/1995	TCTH 151		Bỏ thi		
<b>XVIII</b>	<b>Phòng số 18</b>							
1	Bùi Thị Hoài	Phuong	21/3/1996	ĐHTHMT 152		10.00	10.00	
2	Trần Thị	Vân	21/12/1991	ĐHTHMT 153		71.00	71.00	X
3	Đình Anh	Dũng	15/6/1995	CĐTHĐĐ 154		30.00	30.00	
4	Nguyễn Thị Minh	Hải	28/02/1996	CĐTHĐĐ 155		40.00	40.00	
5	Trương Lệ	Hằng	08/7/1996	ĐHTHĐĐ 156		75.00	75.00	X
6	Đình Thanh	Hành	08/9/1990	CĐTHĐĐ 157	5.00	Bỏ thi		
7	Đình Thị Thúy	Nga	09/01/1997	ĐHTHĐĐ 158		90.50	90.50	X
8	Phan Quang	Nguyên	16/3/1996	ĐHTHĐĐ 159		66.00	66.00	X
9	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20/8/1996	CĐTHĐĐ 160		46.00	46.00	
10	Đặng Thị	Thìn	19/5/1988	ĐHTHĐĐ 161		71.00	71.00	X
11	Đình Anh	Tuấn	30/7/1994	ĐHTHĐĐ 162		46.00	46.00	
12	Giã Thị	Thuần	04/8/1989	ĐHTHTA 163		Bỏ thi		
<b>XIX</b>	<b>Phòng số 19</b>							
1	Phan Bảo	Phượng	28/12/1995	ĐHTT 01		Bỏ thi		
2	Phan Thị Nhật	Trang	10/02/1995	ĐHTT 02		95.00	95.00	X
3	Lê Thị Mai	Ly	07/7/1995	CĐTT 03		77.00	77.00	
4	Phạm Thị	Thuần	22/3/1995	CĐTT 04		71.00	71.00	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	10/11/1990	ĐHTCN 05		96.00	96.00	X
6	Cao Thị Thanh	Hiền	26/8/1997	ĐHSH 06		77.00	77.00	
7	Trần Thị	Hoa	01/3/1996	ĐHSH 07		Bỏ thi		
8	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	14/9/1996	ĐHSH 08		76.00	76.00	
9	Lê Thị Thanh	Huyền	26/8/1995	ĐHSH 09		60.00	60.00	
10	Đình Thị Như	Ngọc	23/5/1994	ĐHSH 10		75.00	75.00	
11	Lê Thị	Sương	12/6/1995	ĐHSH 11		81.00	81.00	
12	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/7/1996	ĐHSH 12		Bỏ thi		
13	Trần Phúc Anh	Thư	10/9/1986	ĐHSH 13		79.00	79.00	
14	Nguyễn Thị Hoài	Thương	01/5/1995	ĐHSH 14		96.00	96.00	X
15	Hoàng Nhật	Tú	08/6/1997	ĐHSH 15		78.00	78.00	
16	Trần Thị Thúy	Vân	12/8/1995	ĐHSH 16		80.00	80.00	
<b>XX</b>	<b>Phòng số 20</b>							
1	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	02/6/1993	ĐHHH 17		75.00	75.00	
2	Đình Quý	Dương	17/5/1992	ĐHHH 18		Bỏ thi		
3	Nguyễn Thị	Hằng	16/3/1995	ĐHHH 19		40.00	40.00	
4	Phạm Trung	Hiếu	10/3/1986	ĐHHH 20		Bỏ thi		
5	Nguyễn Thị	Hồng	01/8/1996	ĐHHH 21		50.00	50.00	
6	Từ Thị Mỹ	Hường	16/7/1994	ĐHHH 22		80.00	80.00	
7	Nguyễn Thị Mĩ	Lệ	20/3/1991	ĐHHH 23	5.00	Bỏ thi		

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>		<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
8	Nguyễn Thị Linh	19/11/1990	ĐHHH 24		Bỏ thi		
9	Phạm Thị Tuyết Mai	01/01/1996	ĐHHH 25		Bỏ thi		
10	Nguyễn Thị Nhân	15/11/1997	ĐHHH 26		50.00	50.00	
11	Mai Thị Mi Ni	10/12/1996	ĐHHH 27		85.00	85.00	X
12	Bùi Thị Kiều Oanh	10/6/1992	ĐHHH 28		87.00	87.00	X
13	Dương Thị Thùy	01/01/1995	ĐHHH 29		64.00	64.00	
14	Đinh Thị Lệ Thùy	22/10/1997	ĐHHH 30		Bỏ thi		
15	Phan Thị Trang	12/5/1994	ĐHHH 31		69.00	69.00	
<b>XXI</b>	<b>Phòng số 21</b>						
1	Trần Thị Phương Hà	28/7/1997	ĐHSPV 32		40.00	40.00	
2	Hoàng Thị Thu Hà	17/3/1997	ĐHSPV 33		60.00	60.00	
3	Trần Thị Lệ Hằng	05/9/1990	ĐHSPV 34		50.00	50.00	
4	Dương Nguyễn Mỹ Hạnh	10/8/1995	ĐHSPV 35		70.00	70.00	
5	Dương Thị Hiền	08/02/1995	ĐHSPV 36		35.00	35.00	
6	Nguyễn Thị Thu Hoài	25/5/1989	ĐHSPV 37		35.00	35.00	
7	Lê Thị Hương	10/10/1991	ĐHSPV 38		30.00	30.00	
8	Nguyễn Thị Mỹ Lài	09/9/1991	ĐHSPV 39		35.00	35.00	
9	Lê Thị Liễu	16/01/1989	ĐHSPV 40		40.00	40.00	
10	Phan Thị Thanh Nga	17/4/1993	ĐHSPV 41		90.00	90.00	X
11	Lê Thị Hồng Sáu	15/11/1991	ĐHSPV 42		Bỏ thi		
12	Phạm Thị Thân	20/8/1992	ĐHSPV 43		90.00	90.00	X
13	Lê Thị Bích Ngọc	27/10/1997	ĐHSPV 44		65.00	65.00	
14	Nguyễn Thị Ánh Phượng	22/01/1988	ĐHSPV 45		Bỏ thi		
15	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/6/1990	ĐHSPV 46	2.50	Bỏ thi		
16	Lưu Thị Thiết	26/6/1996	ĐHSPV 47		40.00	40.00	
17	Nguyễn Thị Thìn	25/9/1988	ĐHSPV 48	5.00	Bỏ thi		
18	Võ Thị Huyền Thương	10/10/1984	ĐHSPV 49	5.00	55.00	60.00	
<b>XXII</b>	<b>Phòng số 22</b>						
1	Nguyễn Thị Lệ Thúy	12/8/1992	ĐHSPV 50		Bỏ thi		
2	Võ Thị Kim Thùy	27/01/1991	ĐHSPV 51		Bỏ thi		
3	Hồ Thị Liên Thùy	17/8/1988	ĐHSPV 52		95.00	95.00	X
4	Trần Thị Diệu Thùy	26/11/1992	ĐHSPV 53		59.00	59.00	
5	Nguyễn Thị Thùy Trang	21/10/1995	ĐHSPV 54		Bỏ thi		
6	Trần Thị Vinh	20/5/1992	ĐHSPV 55		Bỏ thi		
7	Dương Thị Hạnh	18/8/1987	ĐHSPVS 56		58.00	58.00	
8	Quách Dáng Hương	10/6/1995	ĐHSPVS 57		96.00	96.00	X
9	Dương Thị Nhiên	01/8/1995	ĐHSPLS 58		58.00	58.00	
10	Nguyễn Văn Thanh	12/9/1991	ĐHSPLS 59		93.00	93.00	X
11	Trần Thị Thảo	07/4/1990	ĐHSPLS 60		59.00	59.00	
12	Dương Thị Thu Thúy	24/10/1996	ĐHSPLS 61		58.00	58.00	
13	Lê Chiêu Năm	20/02/1984	ĐHTD 62		91.00	91.00	X
14	Hồ Thị Quý	20/9/1992	ĐHTD 63		59.00	59.00	
15	Phan Thị Thìn	25/5/1988	ĐHTD 64		0.00	0.00	
16	Đinh Minh Thỏa	05/9/1984	ĐHTD 65		Bỏ thi		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm xét tuyển	Dự kiến trúng tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>		<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
17	Trần Thị	Ngân	20/02/1991	ĐHGDCT 66		94.00	94.00	X
18	Nguyễn Thị	Trang	12/6/1988	ĐHGDCT 67		59.00	59.00	
<b>XXIII</b>	<b>Phòng số 23</b>							
1	Phan Thị Hồng	Dung	01/8/1987	ĐHTA 68		36.00	36.00	
2	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/4/1992	ĐHTA 69		40.50	40.50	
3	Nguyễn Thị	Hằng	04/3/1995	ĐHTA 70		70.50	70.50	
4	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	27/8/1992	ĐHTA 71		51.00	51.00	
5	Lê Thị Thu	Hiền	16/01/1993	ĐHTA 72		50.00	50.00	
6	Dương Thị Thùy	Liên	20/02/1990	ĐHTA 73		Bỏ thi		
7	Mai Thị	Linh	01/6/1991	ĐHTA 74		25.00	25.00	
8	Nguyễn Thị	Mỹ	27/8/1997	ĐHTA 75		47.50	47.50	
9	Đình Thị Thúy	Nga	02/11/1995	ĐHTA 76		45.00	45.00	
10	Bùi Thị	Nhớ	13/02/1992	ĐHTA 77		92.00	92.00	X
11	Lê Thị Mai	Phương	27/01/1991	ĐHTA 78		75.00	75.00	
12	Dương Thị	Phương	10/6/1987	ĐHTA 79		92.00	92.00	X
13	Lê Thị	Sao	04/5/1988	ĐHTA 80		75.00	75.00	
14	Lưu Thị	Vân	01/12/1987	ĐHTA 81		75.00	75.00	

Bỏ Trách, ngày 15 tháng 6 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Nguyễn Hữu Hồng